TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17-4-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Nguyễn Kim San

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn 11, xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng;

- Bị đơn: Anh KIM J, sinh năm 1973; hiện cư trú tại: 92 Y, I, A, G, Hàn Quốc.

Chị Nguyễn Thị T, anh KIM J đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh KIM J kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc ngày 15/12/2017 và được Ủy ban nhân dân huyện TN cấp giấy trích lục ghi chú kết hôn vào ngày 09/3/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc trong một thời gian ngắn, anh KIM J trở về Hàn Quốc. Sau đó, chị và anh KIM J có liên lạc với nhau nhưng vẫn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp và bất đồng ngôn ngữ. Nay chị T xác định

tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người một nơi nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh KIM J.

- Về con chung và tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh KIM J không có con chung và không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin ly hôn và đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn là anh KIM J đã được hợp pháp hóa lãnh sự, trình bày:

Anh KIM J thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị T về việc kết hôn, chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Anh xác nhận, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Do anh KIM J ở Hàn Quốc không thể sang Việt Nam giải quyết việc ly hôn được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, không tiến hành hòa giải, anh đã ủy quyền cho chị Nguyễn Thị T nhận thay tất cả văn bản tố tụng của Tòa án.

Về con chung và tài sản chung: Anh và chị T không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh KIM J đề nghị không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T và anh KIM J vắng mặt, chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của chị Nguyễn Thị T và anh KIM J.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T hiện đang cư trú tại thành phố Hải Phòng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh KIM J hiện đang cư trú tại Hàn Quốc. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và bị đơn là anh KIM J vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh KIM J kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc vào ngày 15/12/2017 và được Đại sự quán Hàn Quốc tại Việt Nam cấp Giấy chứng nhận không cản trở hôn nhân ngày 02/01/2018; Ủy ban nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng đã ghi chú kết hôn vào ngày 09/3/2018 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị T và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện do chị T và anh KIM J tính cách không phù hợp, bất đồng ngôn ngữ, khoảng cách địa lý nên anh chị không còn tình cảm vợ chồng, không có khả năng đoàn tụ gia đình. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh KIM J đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T xin ly hôn với anh KIM J và được anh KIM J hoàn toàn đồng ý phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh KIM J.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh KIM J không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh KIM J không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí ly hôn sơ thẩm:*

[6] Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- *Về quyền kháng cáo của các đương sự:*

[7] Chị Nguyễn Thị T và anh KIM J được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh KIM J

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh KIM J không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh KIM J không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008536 ngày 20 tháng 3 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, chị T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ

Anh KIM J được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND huyện TN;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà